TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-8-2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Thái Bình
Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 42/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2019 về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/7/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Trung K, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số 35 ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Đinh Thị N, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

(Các đương sự có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 29 tháng 3 năm 2019 nguyên đơn ông Huỳnh Trung K trình bày:

Vào tháng 8 năm 1987 ông đi bộ đội và có sống chung với bà Đinh Thị N nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, ông bà sống hạnh phúc và có một con chung tên Huỳnh Đình P, sinh năm 1989. Đến năm 1998, bà N sống chung với người đàn ông khác và không liên lạc gì đến ông nữa. Ông nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn nữa, không thể hàn gắn nên đã sống ly thân từ năm 1998 cho đến nay.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về con chung, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Huỳnh Trung K yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Đinh Thị N.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/4/2019 bà Đinh Thị N trình bày:

Bà và ông Huỳnh Trung K quen biết nhau do mai mối, được sự đồng ý của gia đình hai bên nên có tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau từ năm 1987. Sau khi cưới ông bà về làm ăn, sinh sống tại ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An được 03 năm thì về Phường A, Quận B, TP. Hồ Chí Minh sinh sống khoảng 8-9 năm thì bà về huyện V sinh sống còn ông K vẫn sống ở TP. Hồ Chí Minh. Khoảng 01 năm sau thì ông K về huyện V sống cùng bà được 02 năm. Khoảng năm 1998 ông bà sống ly thân cho đến nay nhưng không có mâu thuẫn gì. Giữa ông bà không có đăng ký kết hôn.

Trong quá trình sống chung thì bà và ông K có 02 con chung: Huỳnh Đình P, sinh năm 1989 và Huỳnh Nhật H, sinh năm 1993.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trước yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Trung K thì bà đồng ý. Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn: Tất cả đều tuân theo pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Giữa ông Huỳnh Trung K và bà Đinh Thị N sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giữa ông K, bà N không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận quan hệ giữa ông K và bà N là vợ chồng. Từ những căn cứ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét quyết định: Không công nhận ông K và bà N là vợ chồng. Về con chung đã trưởng thành; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Huỳnh Trung K có đơn xin ly hôn với bà Đinh Thị N nên quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Đinh Thị N có nơi cư trú tại khu phố 3, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Huỳnh Trung K và bà Đinh Thị N có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Giữa ông Huỳnh Trung K và bà Đinh Thị N đều xác định sống chung từ năm 1987 đến năm 1998 thì không sống chung nữa cho đến nay và không có đăng ký kết hôn.

Để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án chính xác, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã/phường những nơi ông K và bà N từng sinh sống cung cấp thông tin về việc đăng ký kết hôn giữa ông K và bà N. Kết quả thể hiện như sau:

Tại Công văn số 34/UBND-CV ngày 03/5/2019 của Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An xác định: Sổ đăng ký kết hôn năm 1987 và năm 1988 hiện UBND thị trấn không còn lưu. Sổ đăng ký kết hôn từ năm 1989 đến năm 1998 không có tên ông Huỳnh Trung K và bà Đinh Thị N.

Tại Công văn số 252/UBND-HT ngày 15/5/2019 của UBND phường A, quận B, TP. Hồ Chí Minh xác định: Từ năm 1987 đến năm 1996, qua kiểm tra phần mền hộ tịch không có tên bà Đinh Thị N và ông Huỳnh Trung K đăng ký kết hôn với nhau.

Tại Công văn số 46/UBND-TP ngày 03/7/2019 của UBND xã T, huyện C, tỉnh Long An xác định: Từ năm 1987 đến năm 1998 ông Huỳnh Trung K và bà Đinh Thị N không có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C.

Từ những cơ sở trên có căn cứ khẳng định ông K và bà N sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1987 đến năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau năm 1998 ông K và bà N không sống chung nữa cho đến nay. Căn cứ Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì ông K và bà N thuộc trường hợp không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện là có căn cứ.

[4] Về con chung: Ông Huỳnh Trung K cho rằng giữa ông và bà Đinh Thị N có một con chung là Huỳnh Đình P, sinh năm 1989. Còn bà Đinh Thị N cho rằng giữa bà và ông Huỳnh Trung K có hai con chung là Huỳnh Đình P sinh năm 1989 và Huỳnh Nhật H sinh năm 1994. Xét, các đương sự không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập. Trường hợp có tranh chấp về việc xác định cha, mẹ, con thì Tòa án xem xét, giải quyết thành một vụ kiện khác.

[5] Về tài sản và nợ: Ông Huỳnh Trung K và bà Đinh Thị N đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí: Ông Huỳnh Trung K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Áp dụng khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Trung K.

Tuyên bố: Không công nhận ông Huỳnh Trung K và bà Đinh Thị N là vợ chồng.

Về án phí: Buộc ông Huỳnh Trung K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0004363 ngày 02/4/2019 sang tiền án phí.

Báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị The